

BÁO CÁO CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN VỤ CHIẾM THÀNH HÀ NỘI LẦN THỨ HAI 1882 CỦA HENRI RIVIÈRE - MỘT TÀI LIỆU CÓ GIÁ TRỊ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ VIỆT NAM THỜI CẬN ĐẠI

ĐÀO THỊ DIỄN*

Gần hai năm sau khi Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương được thành lập (1), ngay từ khi Kho Lưu trữ Trung ương còn chưa được xây dựng (2), vào năm 1919, Giám đốc Paul Boudet đã cho chuyển tài liệu của phong Đô đốc và các Thống đốc đầu tiên của Nam Kỳ từ 1858 đến 1887 (Fonds des Amiraux et des premiers Gouverneurs de Cochinchine de 1858 à 1887) ở Sài Gòn ra Hà Nội. Đây là những tài liệu cực kỳ có giá trị, phản ánh quá trình xâm lược Việt Nam của quân đội viễn chinh Pháp từ những ngày đầu tiên ở Nam Kỳ, những cuộc thương lượng với triều đình Huế, quá trình “bình định” Bắc Kỳ và những “thử nghiệm” đầu tiên về bộ máy cai trị hành chính của chính quyền thực dân ở Bắc Kỳ...

Trước khi được chuyển ra Hà Nội, tài liệu của phong này hầu như “bị bỏ quên” trong một góc của Phủ Thống đốc Nam Kỳ. Có lúc, vài trong số tài liệu này được chuyển theo hành lý của các viên Thống đốc mỗi khi họ chuyển đi nhậm chức khác.

Vì thế, tài liệu của phong này đương nhiên còn lại không đầy đủ.

Từ sau năm 1930, do tài liệu nộp lưu về Kho Lưu trữ Trung ương ngày một nhiều nên kho ngày càng chật và gần như hết chỗ chứa. Để giải quyết tình trạng này, Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương đã cho chuyển về chính quốc tài liệu của một số phong đóng (fonds clos), trong đó có phong Đô đốc và các Thống đốc đầu tiên của Nam Kỳ (1858-1887) (3). Tuy nhiên, Sở đã cho sao lại một số tài liệu có giá trị của phong này để phục vụ nhu cầu khai thác của các công sở và các nhà nghiên cứu (chủ yếu là người Pháp) ở Đông Dương. Đáng chú ý nhất trong số những tài liệu đã được sao lại phải kể đến số tài liệu có liên quan đến hai lần đánh chiếm thành Hà Nội của thực dân Pháp vào các năm 1873 và 1882, trong đó có hàng loạt tài liệu phản ánh hành động xâm lược đầy ngạo mạn của Henri Rivière trong thời kỳ này. Điển hình nhất là báo cáo chi tiết số 611 liên quan đến vụ chiếm thành Hà Nội của Henri Rivière gửi Bộ

* TS. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp mà chúng tôi xin dịch nguyên văn dưới đây (4).

Số 611

Báo cáo chi tiết liên quan

đến vụ chiếm thành Hà Nội

Hà Nội, ngày 25 tháng tư và 13 tháng năm 1882.

Thưa Ngài Bộ trưởng (5),

Qua bức thư của tôi ngày 25 tháng tư và những tài liệu đính kèm, tôi đã được hân hạnh báo với Ngài, tiếp theo những hoàn cảnh, tình thế và tình hình chính trị lúc đó như thế nào đã đưa tôi đến việc đánh chiếm thành Hà Nội.

Hôm nay tôi xin gửi đến Ngài bản báo cáo của tôi về sự kiện đó.

Ngay từ những ngày đầu tiên đến Hà Nội, khi nhận thấy những sự chuẩn bị phòng thủ ngày một gia tăng hơn của phía thành Hà Nội, về phía mình tôi đã phải chuẩn bị hành động.

Vậy thì, tôi cho chở từ Hải Phòng về Hà Nội đạn dược, pháo phóng và các vũ khí khác mà các tàu của Sư đoàn thủy quân có thể cung cấp cho tôi. Ở Hải Phòng, nơi mà tôi đã cho tập hợp các pháo thuyền có "Drac", "Hamelin", "Parseval", "Fanfare", "Surprise", "Massue" và "Carabine". Còn có hai tàu hơi nước, "Hải Phòng" và "Cửa Lặt" (là hai tàu hơi nước cũ của Sở Chỉ huy cảng Sài Gòn và của đội Hoàng gia).

Tôi đã tìm thấy ở người bạn De la Mure, đại úy chỉ huy tàu "Drac", sự hỗ trợ tận tâm và thiết thực nhất.

Thuyền trưởng De la Mure là một người có nhận thức rất đúng đắn và rất linh hoạt, một cố vấn tuyệt vời. Ông ta đã làm mọi

việc do ông định đoạt để giúp đỡ tôi. Ông ta đã bố trí hai pháo thuyền "Fanfare" và "Surprise" để chúng có thể ngược sông Hồng qua Cửa Đáy, và lối đi qua này, nhờ có những cuộc thăm dò và các bản vẽ của "Fanfare" từ nay đã có thể áp dụng cho các pháo thuyền đi biển và các tàu hộ tống như "Paraseval" đi lại.

Trong lúc chuẩn bị, tôi đã cho trình bày một cách lịch sự với ông Tổng đốc về những công trình phòng thủ mà ông ta đã chuẩn bị trong thành của ông ta. Tuy nhiên tôi không nhấn mạnh sự việc này, bởi vì nếu tôi nhấn mạnh thì tôi đã bắt buộc phải hành động, và tôi chỉ muốn làm điều đó sau khi đã tập hợp đủ mọi phương tiện.

Cuối cùng, ngày 21 tháng tư, tàu "Fanfare" đã tới. Đó là trung tá thuyền trưởng Gadaud và chiếc tàu nhỏ của ông do các sĩ quan và đoàn thủy thủ rất xứng đáng với ông ta điều khiển. Bằng cách làm thay đổi độ mớn nước của tàu, tìm kiếm đường lạch, lợi dụng cả những trận mưa nhỏ, ông ta chỉ mất có 3 ngày đi từ Hải Phòng đến Hà Nội qua con đường chưa thăm dò này.

Viên lái tàu, phó chỉ huy buồng lái là Crochet, về phần mình đã đóng góp vào kết quả này.

Tàu "Cửa Lặt" mà ba ngày trước đó tôi đã phái đi từ Hà Nội vào Phát Diệm với yêu cầu gặp "Fanfare" ở Cửa Đáy và cùng đến với "Fanfare". Ngay chiều tối ngày 21, tôi phái tàu Cửa Lặt tới gặp thuyền trưởng De la Mure để ông ta cho đi từ Hải Phòng lên Hà Nội một đại đội đổ bộ một trăm người của tàu "Hamelin", "Parseval" và "Drac", và năm mươi lính bộ binh đường thủy của phân đội đồn trú ở Hải Phòng.

Ngày 24 tháng tư, các đơn vị quân đội đã tới trên hai chiếc tàu nhỏ dưới sự chỉ huy của viên quản lý Boucart, một người

hoạt bát và thông minh mà tôi luôn khen ngợi. Tiểu đoàn đổ bộ đặt dưới quyền chỉ huy của đại úy hải quân Fisschi, chỉ huy phó tàu "Hamelin" có các sĩ quan thiếu úy hải quân Chapelle của tàu "Parseval" và thiếu úy hải quân Bladou của tàu "Drac". Một nửa số lính bộ binh đường thủy do trung úy Montognault chỉ huy.

Tôi có 450 lính bộ binh đường thủy, 20 pháo thủ của pháo binh thủy chiến với 3 khẩu pháo 4 ly, 20 pháo thủ bản xứ, 130 lính thủy, 1 khẩu pháo 12 ly và 1 khẩu pháo 4 ly của khu nhượng địa, 2 khẩu pháo 4 ly được mang đến từ các tàu "Tilsitt", "Fanfare", "Carabine" và "Massue".

Tôi gửi ngay tối hậu thư cho ông Tổng đốc.

Tôi gửi vào lúc 5 giờ sáng ngày 25, chỉ cho ông ta ba giờ để trả lời. Thời hạn thì ngắn, theo như trong thư tôi viết cho ông ta, nhưng có đủ thời gian để ông ta chuẩn bị chống lại chúng ta và để không làm ông ta ngạc nhiên.

Vào khoảng 7 giờ 30, ông ta đề nghị tôi gia hạn thêm 1 ngày nữa. Tôi không trả lời yêu cầu này mà tôi cũng không chấp nhận nó, người đưa thư cũng đã biến mất ngay sau khi đưa thư.

Đến 8 giờ sáng, thời hạn cuối cùng mà tôi ấn định cho ông Tổng đốc, ông ta đã không tới. Chỉ còn cách là hành động.

Đây là một vài biện pháp mà chúng tôi, thuyền trưởng Chanu và tôi, đã cùng nhau tiến hành.

Trận pháp kích của các tàu "Fanfare", "Massue" và "Carabine" phải bắt đầu từ 8 giờ 15 phút và kết thúc vào 10 giờ 15 phút. Các tàu chiến này, ngay từ 5 giờ sáng, đã tới điểm tấn công ở thượng lưu sông (sông Hồng-ND), gần như đối diện với cửa Bắc.

Mặt thành phía Bắc là nơi chúng tôi tấn công.

Một trận tấn công dữ dội vào cửa Bắc với hỏa lực của các pháo thủ của Bắc ở pháo đài phía Bắc - Đông, một hỏa lực khác của các pháo thủ của Bắc ở pháo đài phía Bắc - Tây, và ở pháo đài liên tháp của pháo đài phía Bắc - Tây, hàng trăm binh lính và các thủy thủ sau khi trèo bằng thang lên và chiến đấu ngay trên mặt thành ở cửa Bắc, cuối cùng chúng tôi đã mở được cổng thành. Ở cửa Đông, phải có một cuộc tấn công giả của đại đội bộ binh đánh thủy, được yểm trợ bởi khẩu pháo 12 ly cầm tay và do các lính thủy trang bị.

Đến 8 giờ 15 phút, trận pháo kích bắt đầu. Đến tận 9 giờ 15 phút, cuộc chiến đấu diễn ra chủ yếu ở cửa Bắc và các tháp canh bên phải và bên trái và hoàn toàn không lan sang mặt Đông, có thể đánh tới nếu kéo dài đường tấn công. Điều đó đã cho phép đại đội 29 của trung đoàn 2 bộ binh đường thủy của đại úy Retrouvey hành quân ngay từ 8 giờ ở cửa Đông cùng với khẩu pháo 12 ly đã được giao cho thiếu úy hải quân Bladou và 12 lính thủy, và để bắt đầu tấn công từ 8 giờ 30 phút vào cửa gần với khu nhượng địa.

Từ 9 giờ 15 phút đến 10 giờ 15 phút, đường bắn của các tàu có đặt pháo phải chuyển hướng vào các công sở chính trong thành, và hơi ra phía ngoài cửa Bắc để không phải bắn vào các đơn vị của chúng ta phải có mặt ở địa điểm tấn công vào lúc gần 9 giờ rưỡi.

Từ 7 giờ 45 phút, các đội quân đã xuất phát, đầu tiên là đại đội của Retrouvey cùng khẩu pháo 12 ly có nhiệm vụ tấn công cửa Đông.

Rồi lần lượt tiếp sau đó, và đi theo một con đường dọc bờ sông, qua các khu người

Hoa, lại đi theo con đê dọc theo sông ở phía Bắc. Tuyến đường này mà chúng tôi đã nhận ra chỉ có những căn nhà tranh kéo dài hai bên những con đường ở phía dưới đê và nhiều cây cối rậm rạp và chỉ mất có 1 tiếng hoặc 1 tiếng rưỡi để băng qua.

Đội pháo hải quân 3 khẩu 4 ly của trung tá Deviternes được sự hộ tống của 50 lính bộ binh đường thủy và 20 lính bộ binh người bản xứ của trung tá Dain.

Đội pháo này phải đi tới một vị trí đặt pháo nền đất có sẵn hơi cao hơn toà thành, cách khoảng 800m, và từ nơi đó nó phải góp phần pháo kích bắn sạt công sự liên tháp phía Bắc - Tây, phá tan các khẩu pháo nguy hiểm và bắn vào các kho thuốc súng. Thực vậy đội này bắt đầu bắn vào khoảng 9 giờ 15 phút và ngay từ những phát súng đầu tiên đã làm nổ tung một kho thuốc súng.

Đi sau đơn vị pháo của Deviternes và đội quân yểm trợ là 50 lính pháo binh có nhiệm vụ phải chiếm được vị trí ẩn náu ngay phía trước thành liên tháp phía Bắc - Đông cho đến khi họ hỗ trợ được cuộc tấn công ở cửa Bắc.

Đội quân trèo tường thành xông lên ngay theo đó. Đội quân này gồm 50 lính thủy đánh bộ của đại đội 31 thuộc trung đoàn 2 dưới sự chỉ huy của đại úy Martin cùng trung úy và thiếu úy Comte và Chenagon; và 50 lính thủy của các pháo thuyền "Hamelin" và "Parseval" do đại úy hải quân Thesmar và thiếu úy hải quân Chapelle của "Parseval" chỉ huy.

Đội quân trèo tường này được trang bị một nửa là súng lục, và 40 cái thang bằng tre dài 6m. Ngoài ra họ còn mang theo một khẩu pháo 4 ly được giao cho 10 lính thủy cùng chuyển qua bức tường thành, và trong khi chờ đợi tìm được một vị trí thuận lợi, và

nếu tìm được vị trí này thì cùng tham gia vào cuộc pháo kích cùng với các khẩu pháo của trung tá Deviternes. Và thực vậy, ngay từ 9 giờ 15 phút, khẩu pháo 4 ly này đã phối hợp nổ súng.

Cánh quân dự phòng thứ nhất có hơn 100 lính cùng với thuyền trưởng Chanu, thuyền trưởng Villers, đại úy công binh Dupommier, 2 lính công binh, 3 thủy thủ chuyên trách thuốc nổ của tàu "Hamelin" cùng với khối thuốc nổ mà tôi đã giao cho họ và hai khẩu pháo 4 ly, một được trang bị cho lính thủy, một được trang bị cho lính thủy đánh bộ, theo lệnh của thiếu úy hải quân Thomine, đã tới ngay sau đội quân trèo tường.

Cánh quân dự phòng thứ nhất này đã phải tụ tập ở xung quanh lũy hình bán nguyệt của cửa Bắc, sau đó tấn công mạnh vào cổng thành trong lúc đội trèo tường xông vào liên tháp phía Bắc - Tây.

Trong khi chờ đợi cánh quân dự phòng này đến nơi, các khẩu pháo của Thomine đã chiếm lĩnh vị trí để pháo kích các khẩu pháo nguy hiểm và bắn sạt các thành liên tháp.

Đúng 8 giờ, ông Tổng đốc đã không đến nộp mình, tôi đã ra đi cùng ngài Lãnh sự Kergaradec mà thượng sĩ của sư đoàn Marolles cùng 40 lính thủy theo lệnh của phó chỉ huy tàu "Hamelin" là đại úy hải quân Fiaschi.

Cánh quân dự phòng thứ hai có cùng nhiệm vụ cùng với cánh quân thứ nhất tấn công quyết liệt vào cửa Bắc.

Phần lớn nhất của quãng đường đi đôi với các phân đội khác nhau đó được tiến hành không có trở ngại gì, dưới sự che chở của các phố và các nhà lợp gianh. Chỉ có ở hai nơi, binh lính đã vượt qua góc vuông

trên một khoảng rộng vài mét dưới làn đạn trong thành bắn ra. Ở đó chỉ có hai hoặc ba phát đạn pháo và vài phát đạn súng trường nhưng không gây tác hại gì.

Tuy nhiên, tôi gần các toán quân, từ phía cửa Bắc, người An-nam đã ném nhiều ngòi nổ thiêu cháy các túp lều gianh, chỉ một ngòi hoặc từng dãy. Những lều gianh này, có nghĩa là cả thành phố, trải dài khắp các phía đến tận chân toà thành. Ở cửa Đông, các ngòi nổ này đã gây nên một đám cháy thực sự buộc khẩu pháo 12 ly cùng đạn được phải chuyển vị trí.

Đến khoảng 9 giờ 15 phút, tất cả các toán quân đã vào vị trí, chờ đợi giờ phút tấn công, và các khẩu pháo của Deviternes và Thomine cũng như khẩu 4 ly của đội quân trèo tường đều tham gia trận pháo kích. Vào khoảng 10 giờ đội pháo của Deviternes bắt đầu hành quân về cửa Bắc mà nó có nhiệm vụ phối hợp tấn công. Tuy nhiên, để cho nó có đủ thời gian tới kịp và vì các thành liên tháp hình như chưa bị phá huỷ đúng với yêu cầu, thuyền trưởng Chanu và tôi cho rằng cần phải kéo dài trận oanh tạc thêm một nửa tiếng nữa. Thông báo đó đã được phát đi từ ngoài để truyền đến cho đội quân trèo tường của Martin Thesmar.

Đến 10 giờ 45 phút, trận pháo kích chấm dứt. Đội quân trèo tường dùng thang trèo lên bên cạnh pháo đài phía Bắc - Tây, và với hai cánh quân dự bị cùng các khẩu pháo của Deviternes và Thomine, chúng ta tấn công lũy hình bán nguyệt của cửa Bắc. Cửa lũy hình bán nguyệt chắc, trụ lại sức công phá của các chiếc rìu, chúng tôi phải làm nó bật ra bằng một phát pháo. Các khẩu pháo được chuyển gấp tới trước cửa Bắc và nổ súng công phá cùng các pháo binh dàn trận. Lúc sắp vào đến cửa Bắc, chúng tôi nhìn thấy đội quân trèo tường

chạy ào đến từ phía bên phải trên tường thành. Họ nói với chúng tôi rằng kẻ địch đã bỏ cửa thành và họ đến mở cửa cho chúng tôi vào. Tuy vậy cánh cửa thành lúc đó ở phía bên trong được chèn chặt với các phiến gỗ lớn, phải có một khối thuốc nổ lớn để phá tung mới mở đường vào được.

Thành đã bị chiếm.

Chúng tôi có 4 người bị thương: tiểu đoàn trưởng de Villers bị thương nặng ở đầu gối ngay từ đầu cuộc tấn công bởi một viên đạn lạc, hai lính Houseyer và Lanore bị đạn vào đầu, nhưng không nặng lắm, hạ sĩ Gros Jean bị một viên đạn vào đùi.

Chúng tôi đếm có 40 người chết trong số người An-nam và 20 người bị thương đã được mang về cứu chữa.

Số bị thương đáng lẽ còn nhiều hơn, nhưng tất cả những tên có thể chạy được thì đã trốn thoát.

Tôi hân hạnh gửi theo báo cáo này, thưa ngài Bộ trưởng, danh sách những sĩ quan, binh lính và thủy thủ đã chiến đấu một cách đặc biệt anh dũng.

Sau 2 giờ nghỉ và ăn trưa, tôi lập tức đặt toà thành trong tình trạng không thể phòng thủ nữa. Các thủy thủ, từ cửa Bắc đến cửa Đông, và lính thủy đánh bộ từ cửa Bắc đến cửa Tây, đều vút qua các ụ súng tất cả đại bác, gia súng và một số lớn thân cây to mà quân địch đã để sẵn ở trên thành để lăn xuống chúng tôi.

Ngày 30 tháng tư 1882.

Sáng ngày 26 tháng tư, chúng tôi biết được rằng ông Tổng đốc đã treo cổ tự tử. Đó là một người đàn ông điềm tĩnh và kiên quyết, và ông ta đã chết là một điều thuận lợi đối với chúng ta. Sự dũng cảm và ảnh hưởng của ông có thể gây nhiều trở ngại cho chúng ta, nhất là nếu ông ta còn có thể

bàn bạc với hoàng thân Hoàng (6), người mà dân chúng đồn đang đóng quân ở thành Sơn Tây cách đây vài dặm, người mà theo sự xác nhận của triều đình An-nam, đã công khai nuôi dưỡng quân Cờ Đen. Hoàng thân Hoàng, theo lời đồn đại, có ý định tiến hành chiến tranh chống lại chúng ta, nhưng ông ta còn đợi lệnh từ Huế và tùy theo sự tiến chuyển của tình hình thời sự.

Sáng ngày 26, người ta đã tìm thấy ở trong thành 15 nghìn đồng bạc Mễ Tây Cơ, và một số quan tiền chì và kẽm trị giá gần 67 nghìn francs Pháp.

Thuyền trưởng De la Mure đã cho chiếm lấy hải quan ở Hải Phòng. Người ta đã tìm thấy ở đây khoảng một trăm nghìn đồng Đông Dương. Các giấy xác nhận chính xác sẽ được gửi kèm theo lá thư này.

Biện pháp đầu tiên của tôi, ngay từ ngày 25, là chiếm quyền quản lý ngành thuế quan. Thực ra là, tôi chỉ đưa vào việc quản lý này một thay đổi về vai trò. Cho đến hiện nay, chính các nhân viên của chúng tôi kiểm soát sự thu nhập còn các quan lại An-nam thì giữ tiền.

Bây giờ chính các quan lại An-nam kiểm soát sự thu nhập còn nhân viên của chúng ta thì giữ tiền.

Điều này sẽ phù hợp hơn để nhanh chóng nhận được số tiền của chúng tôi vì họ còn nợ chúng tôi, theo tôi nghĩ là 70.000 trong năm 1881 (7).

Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng tư, các công việc phá thành vẫn được tiếp tục. Tất cả những khẩu pháo còn lại đã bị đóng đinh và vứt xuống dưới các hào. Bốn lỗ hổng lớn đã được mở ra ở các pháo đài các cửa Bắc và cửa Đông.

Chính các cổng ở hai phía này đã bị tháo dấu niêm và đã bị phá huỷ hoàn toàn cũng

như các cánh cửa khác ở các lũy bán nguyệt. Trên hai phía này, cửa Bắc và cửa Đông, người ta có thể tự do đi vào thành, hoặc là đi qua cửa, hoặc là qua các lỗ hổng lớn.

Tôi quan tâm đến công việc được kết thúc sớm nhất, bởi ý định của tôi không phải là cai trị tỉnh (8), tôi hy vọng có thể giao lại chính quyền dân sự và thành lúc này đã trở nên vô hại, cho một quan lại cấp cao, có họ hàng với nhà Vua.

Ông ta là một trong số người đã thay mặt ông Tổng đốc đến gặp tôi và tôi đã cố gắng tranh thủ bằng sự đối xử thân thiện và sự đảm bảo về tình bằng hữu. Quả nhiên viên quan này đã chấp nhận các yêu cầu của tôi đối với ông Tổng đốc trong trường hợp mà ông ta ưng thuận giao nộp thành cho tôi. Ông ta tự nhận trách nhiệm làm dịu tình hình trong tỉnh, nhưng ông ta lại rất sợ hoàng thân Hoàng và quân Cờ Đen. Tôi cho rằng chúng ta sẽ kéo về chiếm thành Sơn Tây là nơi chốt kiểm soát dòng sông và điều đó rất có lợi cho chúng ta. Thưa ngài Bộ trưởng, tôi đã nhận được từ ông Kergaradec, Lãnh sự Pháp ở Hà Nội, vấn đề thương lượng với viên quan về sự niêm yết các bản công bố trong thành phố rằng "chúng tôi tới đây chỉ để có điều kiện tốt hơn cho việc đánh đuổi quân Cờ Đen, và nếu chúng tôi đã chiếm thành, đó là lỗi của sự ngờ vực và sự đối địch mà ông Tổng đốc đã ứng xử với chúng tôi" mà lẽ ra phải là sự cộng tác thông minh hơn và khôn khéo hơn.

Tôi ký thác ông Kergaradec, với tất cả lòng khoan dung của Ngài.

Ngày 6 tháng năm 1882.

Tình trạng hoà bình có vũ trang được giữ tương đối tốt. Tôi nhận được từ ông Rheinart, Đại diện của chính phủ Pháp tại Huế, một lá thư đề ngày 27 tháng tư. Tôi

đã viết cho ông ta ngày 18 và ông ta cũng nhận được thư của ông Vernéville ngày 23 tháng tư. Hai lá thư này cho ông ta biết rằng việc đánh thành Hà Nội là sự kiện lớn. Ông Rheinart không giấu điều đó với triều đình An-nam. Đã có một sự náo động lớn, nhưng hình như người ta phải chấp nhận sự đã rồi. Trong khi chờ đợi, người ta đã gửi cho ông Tổng đốc, quá muộn, lệnh giao nộp thành trong trạng thái như trước, và cho các Tổng đốc các tỉnh khác không được làm gì chống lại chúng ta. Ông Tổng đốc tỉnh Nam Định và hoàng thân Hoàng cho đến lúc này dường như vẫn không theo lệnh đó. Có rất nhiều đồng đá và nhiều biến động khác trên bờ sông Đuống nơi rất cần thiết cho việc cung cấp nước ngọt cho Hải Phòng. Hai tàu "Carabine" và "Massue" từ 3 ngày nay đã ở trên con sông đó để phá huỷ các sự chuẩn bị này. Hoàng thân Hoàng tuyên bố ý định của ông ta về việc đưa quân về Hà Nội và bố trí rất nhiều bè mảng gây cháy. Hai tàu "Surprise" và "Fanfare" đã bố trí trước mũi tàu, về phía thượng lưu, một chuỗi kè bằng các thuyền tam bản để tránh khỏi sự may rủi này. Không còn gì khác ngoài tiếng đồn và những sự chuẩn bị này mà chúng tôi đã dẹp đi. Tôi đã ra lệnh củng cố khu nhượng địa với các lô cốt ở các góc và các hàng rào vững chắc. Công việc được các phu tiến hành nhanh chóng dưới sự chỉ huy của đại úy công binh Dupommier, tôi đã tiêu vào đấy một phần tiền mà tôi đã tìm thấy ở trong thành. Thực ra tôi muốn công việc tiến hành rất nhanh.

Khu nhượng địa, nơi luôn luôn cần phải có ít nhất là 400 người, sẽ tránh được một cuộc đánh úp và nhất là đối với những cuộc báo động phiền nhiễu. Tôi không cho là chúng ta cần có đông người ở Bắc Kỳ, nếu chúng ta biết hạn chế những dự định của

chúng ta ở nơi đây, nhưng cũng trong tình trạng hiện nay nhất thiết phải có 100 người ở Hải Phòng và 400 người ở Hà Nội. Để đưa quân lên Sơn Tây và đóng giữ Sơn Tây sau khi chúng ta chiếm được, cần có thêm 200 người nữa. Vì tôi còn có một đại đội lính đổ bộ 100 người rút ra từ các tàu "Tilsitt", "Drac", "Hamelin" và "Parseval", qua lá thư ngày 26 tháng tư gửi ngài Thống đốc, tôi chỉ yêu cầu tiếp thêm một nửa đại đội lính đánh bộ nữa mà thôi.

Như thế cũng sẽ chưa đủ.

Ở Hà Nội tôi có các tàu "Fanfare", "Surprise", "Massue", "Carabine", tàu "Hải Phòng" (trước kia là tàu của Sở Chỉ huy cảng) và tàu "Cửa Lặt" (trước kia là chiếc sà lúp của đội Hoàng gia). Tàu "Drac" với đoàn thuỷ thủ đã giảm bớt đang vào Sài Gòn là nơi nó vào đưa tin chiếm thành Hà Nội. Tôi đã đề nghị ngài Thống đốc gửi thêm cho tôi 100.000 đạn loại Gras, 150 cân thuốc nổ và tàu "Yatagan" được hộ tống bởi tàu "Drac". Sẽ không bao giờ có đủ pháo thuyền ở Bắc Kỳ, ảnh hưởng thực tế và thực sự của chúng ta là lá cờ hiệu của chúng ta xuất hiện trên các kênh, lạch và trên sông Hồng.

Chỉ riêng sự kiện đã phái tàu "Carabine" đi trinh sát gần Sơn Tây cách đây 5 ngày đã có giá trị tới 1.000 đồng bạc Đông Dương, số thuế chúng ta thu được ở hải quan ngay ngày hôm sau.

Rất nhiều thuyền mảnh không còn sợ bọn giặc cướp và quân Cờ Đen và đã liều xuống Hà Nội.

Chỉ có tàu "Hamelin" ở Hải Phòng. Ngay ngày 28 tháng tư, tàu "Parseval" không thể vượt qua bãi cửa sông ở Huế và chính vì thế mà tôi đã chọn nó để đi liên lạc với ngài Rheinart (9). Ngài Rheinart không thể sai lầm để tàu đi sâu vào trong bãi cửa sông

được. Thật vậy, ở nơi mà quyền của những người bảo vệ ngài Rheinart là không thể bị cướp đoạt đối với ông ta mà không có ngân ngại, mọi việc sẽ tốt để chống lại một chiếc tàu hay các thuyền. Đó là điều mà tôi muốn tránh. Có điều luôn luôn chắc chắn là ngài Rheinart là một người rất có nghị lực và không bao giờ lo ngại, và ông lại rất được đề cao ở Huế, chỉ một mình ông ta với người thầy thuốc của ông ta. Cần phải có cho ông ta một đồn binh nhỏ và một chiếc tàu máy, điều đó sẽ là sự thay đổi trong hiệp ước 1874.

Trong tình trạng hiện nay, nếu các sự việc dừng lại ở đó và nếu có một hiệp ước mới, lần này nghiêm túc, tác động đến triều đình Huế, thì sẽ có quy định rõ về sự phá bỏ thành được duy trì, như thành Hà Nội, giữ lại một đội quân đồn trú 600 người ở Hà Nội (400 người đóng ở Hà Nội, 200 quân trừ bị), quyền được thông thương ổn định đối với tàu thuyền của chúng ta, thuế quan trong tay chúng ta, về mặt thu, trừ việc người An-nam kiểm soát số thuế thu được, về số thuế sẽ không bị che giấu hoặc đánh lừa chúng ta. Tóm lại nền bảo hộ của chúng ta đã được thừa nhận và là thực tế ở Trung Kỳ hoặc ít ra là ở Bắc Kỳ.

Một điều cần chú ý là có dư luận biểu lộ ra và không thể xem thường, bởi vì nó nhằm ủng hộ và tuyên truyền cho một người đáng để ý là ngài Lãnh sự Anh Palgrave tại Băng-cốc.

Dư luận này cho thấy, đáng lẽ phải chấp nhận nền bảo hộ của chúng ta thì Trung Kỳ lại dâng mình cho Trung Hoa.

Nếu chúng ta không muốn chống lại dư luận đó, thì sẽ có nhiều khó khăn tương đối lớn xảy ra về sau để làm chúng ta phải từ bỏ Bắc Kỳ.

Tôi không biết liệu điều đó có phải là một tương lai tốt đẹp bị mất đi không, nhưng sẽ gây ra sự thất bại đáng tiếc về dư luận và một sự xúc phạm đến uy thế của chúng ta ở trên xứ sở này.

Nếu chúng ta thúc dục, nhưng một cách thực sự, bằng cách gửi một người nào đó vào điều đình với Huế, chỉ trong ba ngày không cho phép sự chậm trễ đáng sợ về ngoại giao kiểu An-nam diễn ra, chúng ta sẽ nhận được của triều đình Huế, trong hoàn cảnh hiện nay, sự thừa nhận nền bảo hộ của chúng ta.

Ngày 13 tháng năm 1882.

Tàu "Parseval" đã tới bãi sông ở Huế ngày 7 tháng năm và ngài Rheinart thông báo với tôi những gì đã xảy ra. Triều đình An-nam đã rất xúc động, nhưng cảm xúc dữ dội này đã không kéo dài lâu. Ngài Rheinart, theo tối hậu thư của tôi gửi ông Tổng đốc, nghĩ rằng tôi không có ý định chiếm thành, về sau này đã để triều đình An-nam hiểu rằng tất cả đều có thể điều đình được bằng cách giao trả lại thành, thật ra là thành đã bị phá một phần, vào trong tay những quan chức cao cấp người An-nam, những người sẽ được gửi đến cho tôi. Những quan chức này đã lập tức lên đường cùng tàu "Parseval" và đã tới Hà Nội ngày 10 tháng năm. Hai quan chức chính mang chức danh phái viên thứ nhất và thứ hai của Vua, tạm thời chịu trách nhiệm Tổng đốc và Quan phủ (Tuần phủ-ND). Viên quan thứ nhất là Trần Đình Túc, nguyên Tổng đốc Hà Nội, là một cụ già được quý mến và hoà nhã; viên quan thứ hai rất thông minh và hồ hởi, dưới con mắt của chúng tôi.

Cuộc thương lượng đi đến vấn đề trao trả thành. Những viên quan này hy vọng chắc chắn rằng thành sẽ được trao trả cho

họ với khả năng được sửa chữa và vũ trang lại, đó là điều tôi không đồng ý. Trong hoàn cảnh hiện nay, tôi nhất định theo ý của tôi, trừ một vài nhượng bộ mà tôi đã tuyên bố trong thư gửi Quan án.

Các cuộc viếng thăm đã diễn ra giữa các phái viên và tôi, và trong cuộc viếng thăm ngày hôm qua ở thành Hà Nội, nơi các phái viên đang tá túc tại nơi ở cũ của ông Tổng đốc, Quan án đã đề nghị tôi để ông ta trao lại cho Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ (10) lá thư mà tôi viết cho ông ta, và với điều kiện được ghi trong trong lá thư đó là ông ta đã chấp nhận quay trở lại thành và nắm quyền cai trị tỉnh. Quan án đã trao thư cho họ, trước sự có mặt của tôi, mặc dù các ông ấy đã biết lá thư đó. Tôi xin gửi cho Ngài kèm theo đây bản sao của lá thư. Các

phái viên và tôi không đề cập tới một vấn đề nào nữa. Để giữ vững các điều kiện đã nêu trong thư gửi Quan án, tôi có thái độ thực sự thù địch mà hoàng thân Hoàng và quân Cờ Đen đã có đối với chúng ta.

Để đi đến những nhượng bộ về vấn đề quân Cờ Đen luôn luôn đe dọa, hoặc là chúng ta phải hành động chống lại chúng, hoặc triều đình An-nam phải nhận gánh vác thật sự việc thái hồi chúng.

Tóm lại, tình hình của chúng ta là tốt, tôi hy vọng sẽ duy trì được như vậy, không cần quá sức cũng chẳng có phiền phức. Tình trạng vệ sinh y tế tuyệt vời.

Tôi là, ...

Đã ký: H. Rivière

CHÚ THÍCH

(1). Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương được thành lập theo Nghị định ngày 29/11/1917 của Toàn quyền Đông Dương.

(2). Kho Lưu trữ Trung ương bắt đầu khởi công xây dựng năm 1922 và khánh thành vào cuối năm 1924.

(3). Phòng này ngày nay được sáp nhập với phần lớn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương mang từ Việt Nam về theo thoả ước ký kết giữa chính phủ Pháp và chính quyền Bảo Đại năm 1950 thành phòng Đô đốc và Toàn quyền Đông Dương 1858-1845 (fonds des Amiraux et du Gouvernement général de l'Indochine 1858-1945).

(4). Bản dịch đã được giáo sư Đinh Xuân Lâm hiệu đính.

(5). Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp (ND).

(6). Túc Hoàng Tá Viêm lúc đó đang đóng quân ở Sơn Tây - ND.

(7). Số tiền triều đình Huế phải "bồi thường chiến tranh" cho quân Pháp theo "Hiệp ước Hòa bình và Hữu nghị" ký ngày 9 tháng 5 năm Nhâm Tuất tức năm Tự Đức thứ 15 (ngày 5-6-1862).

(8). Tỉnh Hà Nội (ND).

(9). Rheinart lúc đó đang là Tổng Trú sứ Pháp tại Huế (ND).

(10). Nguyễn Hữu Độ lúc đó đang là phái viên triều đình Huế ra Hà Nội cùng Trần Đình Túc (ND).

DOCUMENTS - CORRIGENDUM TO HISTORICAL SOURCES

Detailed Report on the Second Pacification of the Hanoi Citadel in 1882 by Henry Rivière - An Invaluable Document for the Research of Modern Vietnam

Dr. Dao Thi Dien

The National Archives Center, N^o 1

Around two years after the foundation of the Department of Archives and the Indochinese Library, in 1919, Director Paul Boudet had the documents of the first southern governors of Vietnam (1858-1887) transferred from Saigon to Hanoi. These are the invaluable documents, reflecting the French invasion of southern Vietnam (Cochinchina), their negotiations with the Vietnamese courts, their pacification of northern Vietnam (Tonkin) as well as the first experiments of the colonial administrative system in Tonkin. Out of these documents, the most significant materials are those relating to the two pacifications and occupations of Tonkin, respectively in 1873 and 1882. Many documents show the arrogant attitude of Henri Rivière during this time. The most typical document is the Report No. 611, compiled by Henri Rivière and submitted to the French Minister of Navy and Colony, which documented the occupation of the Hanoi Citadel.